

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04/01/2019

“V/v: Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và bà Nguyễn Thị Hồng Bắc.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Tiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm CH 2, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Anh **Hà Văn KH**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm CH 2, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Đỗ Thị M**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm Bận, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bà **Hoàng Thị N**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Xóm CH 2, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn KH chung sống như vợ chồng từ năm 1997 tại khu CH 2, xã TC, huyện Thanh Sơn (nay là huyện TS, tỉnh Phú Thọ). Hai bên được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Anh, chị chung

sống hạnh phúc đến năm 2017 do hoàn cảnh khó khăn, chị H thường xuyên phải đi làm ăn xa nhà, vợ chồng ít quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không đầm ấm, hạnh phúc. Kể từ thời điểm đó đến nay, anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Hai bên đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần để cải thiện quan hệ hôn nhân nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS cho chị được ly hôn anh KH.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung Hà Văn Khởi, sinh năm 1998 và Hà Thị Hảo, sinh năm 2000. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng các cháu ở với bố hay mẹ thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, được nuôi con chị không yêu cầu anh KH phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh KH; chị H xác nhận có 22.054 m² đất Lâm nghiệp tại khu Liên Trung, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc đất này là do anh KH; chị H khai phá từ năm 1997 để trồng cây Lâm nghiệp không có tranh chấp với ai đã thể hiện trên bản đồ địa chính tại thửa 116 tên Hà Văn KH và Đỗ Thị H nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh KH; chị H thỏa thuận trị giá 3.000^d/1 m² đất x 22.054 m² = 66.162.000^d (sáu mươi sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Trên diện tích đất có 3.000 cây keo trồng tháng 7 năm 2016 đường kính 5 cm đến 8 cm. Anh KH; chị H thỏa thuận trị giá 01 cây keo là 2.500^d/ 1 cây x 3.000 cây = 7.500.000^d (bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Khi ly hôn chị H; anh KH thỏa thuận: Chị H sử dụng 10.000 m² đất và cây keo nằm trong diện tích 10.000 m² đất, anh KH sử dụng 12.054 m² đất và cây keo nằm trong diện tích 12.054m² đất theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất lập ngày 25/10/2018.

Về công sức: Chị H xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

Về công nợ: Chị Đỗ Thị H đã trả số nợ 31.000.000đ cho chị Đỗ Thị M nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí chia tài sản theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 25/9/2018, biên bản hòa giải ngày 21/12/2018 và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn anh Hà Văn KH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời điểm hai bên chung sống như vợ chồng, mâu thuẫn phát sinh, thời gian ly thân như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh KH xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị H đã trình bày. Anh đồng ý với quan điểm của chị H về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi vợ chồng ly hôn.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Anh xác nhận theo như chị H đã trình bày là đúng, anh đồng ý với quan điểm của chị H về việc chia diện tích đất Lâm nghiệp theo quan điểm chị H.

Lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ anh KH) vắng mặt tại phiên tòa, theo biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2018 bà N trình bày: Trước khi anh KH; chị H lấy nhau bà và cùng với chồng có canh tác khoảng 4000 đến 5000 m² đất đồi của bố mẹ chồng tại khu Liên Trung, xã TC trồng lúa nương và sắn. Đến năm 1997 anh KH; chị H chung sống với nhau, vợ chồng bà cho anh chị lên khu đất này để tiếp tục canh tác, việc anh KH; chị H có khai phá thêm đất hay không thì bà không được biết. Nay chị H đòi chia diện tích đất này bà không đồng ý chia đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật và bà không có mặt tại Tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày có lời khai này.

2. Theo bản tự khai ngày 11/10/2018 và tại phiên tòa chị Đỗ Thị M trình bày: Ngày 21/12/2017 con của chị H; anh KH bị tai nạn chấn thương sọ não chị có cho chị H và anh KH vay số tiền 31.000.000đ nay anh chị ly hôn, chị yêu cầu chị H; anh KH phải trả số tiền trên nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ngày 20/12/2018 chị H đã trả nợ cho chị nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý và tiến hành thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định và nguyên đơn; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được Thẩm phán lấy lời khai theo quy định và đề nghị giải quyết vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Hôn nhân thực tế của chị H, anh KH là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh KH; chị H đều đề nghị xin được ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của chị H; anh KH và do anh chị không đăng ký kết hôn nên cần tuyên không công nhận chị H, anh KH là vợ chồng.

Về tài sản chung; công nợ; công sức và án phí: Chị H; anh KH tự nguyện thỏa thuận nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Chị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ cho chị xin được ly hôn với anh KH. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 1997, chị H, anh KH được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục chung, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau đó, anh KH; chị H cũng không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại điểm b, mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội cụ thể: “ *Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003...* ”. Như vậy, căn cứ vào quy định được viện dẫn nêu trên, đối chiếu với sự kiện pháp lý phát sinh giữa chị H; anh KH thì quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị chưa được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống như vợ chồng, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân từ năm 2018 đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh KH; chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai bên đều đề nghị xin được ly hôn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, không công nhận chị H anh KH là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Hai bên xác nhận có hai con chung Hà Văn Khởi sinh năm 1998 và Hà Thị Hảo sinh năm 2000. Nguyên vọng của cháu Hà Văn Khởi là được ở cùng với bố, nguyên vọng cháu Hà Thị Hảo là được ở cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao theo nguyên vọng của hai cháu cho anh KH và chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] **Về công nợ:** Tại phiên tòa hôm nay chị Đỗ Thị M xác nhận chị Đỗ Thị H đã trả đủ số tiền 31.000.000^d nay không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về công sức đóng góp của vợ chồng:** Chị H; anh KH đều không đặt ra việc giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ anh KH) vắng mặt tại phiên tòa, theo lời khai bà không đồng ý chia diện tích lâm nghiệp cho chị H; anh KH là không thể chấp nhận bởi: Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 25/10/2018 anh KH; chị H xác định 22.054 m² đất Lâm nghiệp của anh KH; chị H hiện tại đang trồng cây keo, còn phần đất nhà bà N có một lán lợp lá cọ nằm tại một quả đồi riêng sung quanh là ao và ruộng. Hơn nữa, anh KH; chị H xác nhận diện tích đất này anh chị đã canh tác từ năm 1997 không có tranh chấp với ai đã được kê khai đăng ký và thể

hiện trên bản đồ địa chính tên anh KH; chị H hiện đang chờ được cấp đất theo dự án.

[7] **Về án phí:** Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí phân chia tài sản chung trên cơ sở trị giá $22.054 \text{ m}^2 \text{ đất lâm nghiệp} \times 3.000^{\text{d}}/1 \text{ m}^2 = 66.162.000^{\text{d}}$ và $3.000 \text{ cây keo đường kính } 5 \text{ cm đến } 8 \text{ cm trị giá } 2.500^{\text{d}}/1 = 7.500.000^{\text{d}}$. Tổng trị giá tài sản phân chia **66.662.000^d**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, đ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đỗ Thị H và anh Hà Văn KH là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Giao cháu Hà Văn Khởi, sinh năm 1998 cho anh Hà Văn KH được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao cháu Hà Thị Hảo, sinh năm 2000 cho chị Đỗ Thị H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị H; anh KH không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Tạm giao cho chị Đỗ Thị H 10.000 m^2 đất Lâm nghiệp theo tờ bản đồ số 02 số thửa 116 có chỉ giới: A;B;E;F;A và chị H được sử dụng số cây keo nằm trong diện tích đất này tại khu Liên Trung, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ để chờ cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định (*kèm theo sơ đồ đo hiện trạng sử dụng đất do UBND xã TC lập ngày 25/10/2018*).

Tạm giao cho anh Hà Văn KH 12.054 m^2 đất Lâm nghiệp theo tờ bản đồ số 02 số thửa 116 có chỉ giới: B;C;M;N;D;E;B và anh KH được sử dụng số cây keo nằm trong diện tích đất này tại khu Liên Trung, xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ để chờ cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy

định (kèm theo sơ đồ đo hiện trạng sử dụng đất do UBND xã TC lập ngày 25/10/2018).

4. Về công nợ và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết vì chị H; anh KH không yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí phân chia tài sản là 1.666.500^d (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Xác nhận chị H đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai số 0000774 ngày 18/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Chị H còn phải nộp 1.666.500^d (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã TC, huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí